

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38 /2026/HS-ST
Ngày 30 tháng 01 năm 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thi và ông Nguyễn Văn Học

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thái Bình , Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 207/2025/TLST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2025 theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số: 19/2026/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2026 đối với các bị cáo:

1/ Bị cáo: Đoàn Thế S, sinh năm 1988 ; Giới tính: Nam; Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, Tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Đoàn Thế Đ ; Con bà: Đoàn Thị C ; Vợ: Trần Thị Vân A; Con: 01 con – sinh năm 2002 ; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ tạm giam từ ngày 16/7/2025 cho đến nay tại trại Tạm giam số 1 – Công an thành phố Hà Nội . Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Bị cáo: Trần Thị Vân A, sinh năm 1997 ; Giới tính: Nữ ; Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, Tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Trần Văn T ; Con bà: Nguyễn Thị T; Chồng: Đoàn Thế S; Con: 01 con – sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo không bị tạm giam tạm giữ, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Trung tâm Chẩn đoán thú y TU – Đại diện theo Pháp Luật: ông Nguyễn T - Địa chỉ: Thôn C, xã B, thành phố Hà Nội (vắng mặt)
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1991

Địa chỉ: Đường T, Khu L, Phường T, Tp Hải Phòng (vắng mặt)

+ Anh Dương Thanh X, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: TDP N, phường P, Tỉnh Bắc Ninh

+ Anh Dương Văn L, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm N, xã C, Thái Nguyên

+ Anh Bùi Văn H, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu L, Phường T, Tp Hải Phòng

+ Anh Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã B, Tp Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Nguyễn Văn Đ (SN: 1991; trú tại: Đường T, khu L, phường L, Hải Phòng) và Đoàn Thế S (SN: 1988; trú tại: thôn Đ, xã V, Thanh Hóa) có quan hệ quen biết từ khoảng năm 2013 do cả hai đều là kỹ sư chăn nuôi và buôn bán thức ăn chăn nuôi.

Khoảng cuối tháng 9/2024, anh Đ trao đổi với S về việc có khách cần mua lợn giống loại lợn xách tai ba máu để về chăn nuôi và hỏi S để tìm mua lợn giống. Sau đó S hỏi một số người quen và được biết lợn giống theo yêu cầu của Đ có giá khoảng bán là 2.300.000 đồng/1 con, nếu con nào có cân nặng vượt Đ mức 7kg thì sẽ tính giá đối với số cân vượt bằng giá lợn thịt trên thị trường. Cả hai thỏa thuận S bán lợn cho Đ giá 2.350.000 đồng, còn Đ bán cho khách giá 2.400.000 đồng/1 con.

Tại thời điểm này, trên toàn quốc có nhiều nơi bị dịch bệnh tả lợn Châu phi làm chết hàng loạt lợn của người dân nên Đ yêu cầu S khi mua bán phải có hợp đồng, có phiếu xét nghiệm đàn lợn âm tính với dịch bệnh tả lợn Châu phi và bảo hành, cụ thể: Nếu trong thời gian 7 ngày sau khi mua bán (bắt lợn) mà đàn lợn bị dịch tả lợn Châu phi thì S phải bảo hành, hoàn lại toàn bộ số tiền mua bán lợn. S đồng ý.

Khoảng đầu tháng 10/2024, S sử dụng tài khoản mạng xã hội Facebook của mình có tên “S Đoàn” (được đăng ký bằng số điện thoại 0978.406.911) và thấy trên

hội, nhóm về chăn nuôi, mua bán lợn có tài khoản tên “Nguyễn Hoàng A” của anh Nguyễn Hoàng A (SN: 1977; trú tại: thôn L, xã B, Thạch Thất) đăng bài bán lợn giống, loại lợn xách tai ba máu, cân nặng khoảng từ 7kg với giá 1.900.000 đồng/1con. Thấy giá rẻ, S đã nhắn tin hỏi thăm. Hoàng A nói là có trang trại ở khu vực huyện Ba Vì, Hà Nội. Đối với dịch bệnh tả lợn Châu Phi, Hoàng A không cam kết và bảo S có thể lên trang trại lấy mẫu đi test nhanh. Sau đó, S và Hoàng A đã trao đổi, mặc cả và thỏa thuận giá mua bán là 1.500.000 đồng/1con, số cân quá 7kg/1con tính theo giá lợn thịt.

S là người có chuyên môn về thú y nên biết trong trang trại nuôi số lượng lớn, khi mới phát hiện dịch bệnh tả lợn Châu phi thì những con lợn ở chuồng khác có khả năng sẽ không bị lây nếu kịp thời tách đàn. Hoặc nếu bị lây lan thì chỉ mới bị trong giai đoạn ủ bệnh. (Thời gian ủ bệnh là từ 2 ngày đến 21 ngày, lớn hơn thời gian S cần bảo hành cho người mua là từ 7 ngày). S nghĩ là số lợn do Hoàng A bán có thể là lợn có nguy cơ cao bị lây lan dịch bệnh nên mới phải bán nhanh với giá rẻ. Tuy nhiên, do ham lời cao, S đã đồng ý mua lợn của Hoàng A để bán lại cho Đ.

Do Đ yêu cầu đàn lợn mua bán phải được xét nghiệm dịch bệnh tả lợn Châu phi cho kết quả âm tính ngay trước thời điểm giao dịch nên S đã nảy sinh ý Đ làm giả tài liệu là Phiếu trả lời kết quả xét nghiệm của Trung tâm chẩn đoán thú y Trung Ương. Cụ thể như sau:

Lần 1:

S quen biết với chị Nguyễn Thị Diệu T (SN: 1990; trú tại: thôn N, xã H, Hoài Đức là chủ trang trại chăn nuôi lợn) do S đang cung cấp thức ăn chăn nuôi cho trang trại của chị T.

Ngày 12/10/2024, chị T gửi 07 mẫu bệnh phẩm thu từ lợn trong trang trại của mình đến Trung tâm chẩn đoán thú y Trung Ương để xét nghiệm. Cùng trong ngày 12/10/2024, Trung tâm chẩn đoán thú y Trung Ương ra Phiếu trả lời kết quả xét nghiệm số: 7613/CĐ-XN, kết luận có 03 mẫu dương tính với vi rút dịch tả lợn Châu phi và trả kết quả xét nghiệm cho chị T qua hình thức gửi file hình ảnh có tên: “7613-D244533.signed.pdf” tới tài khoản mạng xã hội Zalo của chị T có tên “Nguyễn Thị Diệu T”. Nội dung của file này là hình ảnh của Phiếu trả lời kết quả xét nghiệm số: 7613/CĐ-XN có phần chữ ký của Phó giám đốc trung tâm mang tên Nguyễn Thị Kim O và hình con dấu của Trung tâm chẩn đoán thú y Trung ương. Ngày 13/10/2024, chị T gửi file có tên: “7613-D244533.signed.pdf” cho S để thông báo về việc trang trại của chị T có dịch nên giảm lượng thức ăn chăn nuôi đang mua

của S.

Ngày 14/10/2024, S đã sử dụng tài khoản zalo của mình gửi file có tên: “7613-D244533.signed.pdf” (như nêu trên) tới tài khoản Zalo của vợ (là Trần Thị Vân A) có tên tài khoản là “Trần Vân A” được đăng ký bằng số điện thoại 0946.240.521 và bảo Vân A chỉnh sửa nội dung của file hình ảnh, thay đổi thông tin thành Nguyễn Hoàng A ở Ba Vì, Hà Nội gửi mẫu vào ngày 14/10/2024 và đổi kết quả xét nghiệm thành 07 mẫu gửi đều âm tính với vi rút dịch tả Châu phi. Vân A đồng ý và thao tác để chỉnh sửa, làm giả tài liệu của Trung tâm chẩn đoán thú y Trung Ương như sau:

Vân A sử dụng máy tính tại nơi làm việc, tải file cần chỉnh sửa về rồi vào trang tìm kiếm google để tìm các trang web hỗ trợ việc chuyển đổi file PDF thành file Word. Sau khi đã chuyển đổi file, Vân A chỉnh sửa các nội dung theo yêu cầu của S rồi tiếp tục chuyển đổi lại thành file PDF. Vân A lưu tài liệu vừa được chỉnh sửa, làm giả thành file có tên “123.pdf” rồi gửi lại cho S qua ứng dụng Zalo. Sau khi nhận được file tài liệu giả, S gửi lại cho Đ để Đ tin tưởng là trang trại của Hoàng A đã được xét nghiệm đầy đủ.

Tin tưởng vào kết quả của Phiếu trả lời kết quả xét nghiệm giả do S cung cấp nên Đ đồng ý mua lợn của S.

Ngày 15/10/2024, Đ điều khiển xe ô tô tải chở theo cháu Nguyễn Văn D (SN: 2009; trú tại: khu L, phường T, Hải Phòng) tới vị trí trang trại chăn nuôi lợn của anh Nguyễn Hoàng A ở Suối Hai, Hà Nội. Tại đây, Đ gặp S. Đ và S đã nhận 100 con lợn giống từ nhân viên của trang trại; sau khi cân và tính toán thì tổng số tiền Đ phải trả cho S là 268.897.000 đồng. (Gồm 100 con lợn giá 2.350.000 đồng/1con và số cân vượt tính theo giá thịt). Tuy nhiên, S giảm giá cho Đ 2.897.000 đồng nên Đ chỉ phải trả cho S tổng 266.000.000 đồng. Do Đ đã đặt cọc trước số tiền là 36.000.000 đồng, nên Đ sử dụng tài khoản của mình số: 21310000797914 thuộc ngân hàng BIDV chuyển số tiền 90.000.000 đồng tới tài khoản của S số: 106872439462 thuộc ngân hàng Viettinbank và đưa cho S 140.000.000 đồng tiền mặt.

Sau khi đã nhận tiền của Đ, theo thỏa thuận, S phải trả cho trang trại của Hoàng A là 183.897.000 đồng (gồm 150.000.000 đồng cho 100 con lợn và 33.897.000 đồng là tiền của số cân vượt). S được trang trại giảm giá, chỉ phải trả 183.000.000 đồng. (S được hưởng lợi 83.000.000 đồng)

Sau khi nhận 100 con lợn, Đ vận chuyển toàn bộ số lợn này về giao cho ông Bùi Văn H (SN: 1976; trú tại: khu L, phường T, Hải Phòng; là chủ trang trại) và được ông H nuôi nhốt tại chuồng chăn nuôi của mình. Do vẫn trong thời gian bảo

hành nên ông H chưa thanh toán tiền mua lợn cho Đ.

Ngày 16/10/2024, trong đàn lợn nêu trên có một số con có biểu hiện tiêu chảy, cho rằng lợn ốm do thời tiết nên Đ vẫn nuôi tại chuồng của ông H và tự khám, tiêm thuốc cho lợn.

Lần 2:

Đ liên hệ và được anh Dương Thanh X (SN: 1989; trú tại: TDP N, phường P, Bắc Ninh) đặt mua 200 con lợn giống (X môi giới đặt mua lợn cho ông Dương Văn L, SN: 1976; trú tại: xóm N, xã C, Thái Nguyên). Đ đã báo lại cho S và hẹn lịch bắt lợn. Đ đã đặt cọc cho S số tiền 60.000.000 đồng.

Tương tự như lần trước, ngày 17/10/2025, S yêu cầu vợ của mình làm giả tài liệu Phiếu xét nghiệm của Trung tâm chẩn đoán thú y Trung Ương. Thay đổi thông tin từ file Phiếu trả lời kết quả xét nghiệm của Nguyễn Thị Diệu T thành Nguyễn Hoàng A lấy mẫu và xét nghiệm ngày 17/10/2024, kết quả xét nghiệm âm tính với vi rút tả lợn Châu phi. Vân A tiếp tục thao tác để làm giả tài liệu, chỉnh sửa thông tin như nêu trên và đổi tên file là “XN.pdf” rồi gửi lại cho S. S gửi file tài liệu đã được làm giả cho Đ để Đ tin tưởng.

Ngày 18/10/2024, Đ cùng với anh X, Nguyễn Mạnh C (SN: 1986; trú tại: Thái Nguyên) và anh Dương Văn M (SN: 1996, là con trai của ông L) cùng đến lại trang trại lợn của Hoàng A ở xã Suối Hai, Hà Nội (như nêu trên). Tại đây, những người này gặp S và được S giao 200 con lợn giống. Số cân thừa được nhân với giá lợn thịt có giá 47.000.000 đồng. Do đã báo giá bán cho khách là 2.400.000 đồng/1con nên tổng số tiền mà khách của Đ phải thanh toán là 527.000.000 đồng. Trừ đi số tiền đặt cọc là 60.000.000 đồng nên anh Dương Văn M đã sử dụng tài khoản của M số: 3980314436 thuộc ngân hàng BIDV chuyển số tiền 467.000.000 đồng tới tài khoản của S, số: 0978406911 thuộc ngân hàng MBbank. Sau khi hoàn tất giao dịch, anh M tự vận chuyển số lợn nêu trên về trang trại của gia đình mình.

Sau đó, S đã sử dụng tài khoản ngân hàng Viettinbank của mình chuyển số tiền 17.000.000 đồng tới tài khoản của Đ để trả tiền mà Đ được hưởng theo thỏa thuận. Số tiền S phải trả cho trang trại đối với đàn lợn 200 con bán cho Đ là 347.000.000 đồng. (S được hưởng lợi 163.000.000 đồng)

Từ 20/10/2024, Đ thấy trong đàn lợn 100 con bắt trước đó có nhiều con lợn bị chết. Đ đã chụp ảnh và thông báo lại tình trạng cho S. S trả lời là không biết lý do. Tuy nhiên, sau đó số lượng lợn bệnh và chết nhiều hơn. Ngày 22/10/2024, Đ đã thu mẫu lợn bệnh và gửi xét nghiệm, kết quả mẫu gửi giám Đ bị nhiễm dịch tả lợn Châu

phi. Để phòng ngừa dịch bệnh lan rộng, Đ đã bảo H đã xử lý, tiêu hủy toàn bộ số lượng 100 con lợn nêu trên bằng hình thức chôn. Tuy nhiên, khi tiêu hủy Đ và ông H không báo chính quyền địa phương và cơ quan y tế mà chỉ thông báo sự việc với trưởng khu.

Cùng thời điểm này, Đ được anh X và ông L thông báo về việc đàn lợn 200 con (nêu trên) cũng bị bệnh và chết nhiều. Ông L đã tự đi xét nghiệm và cho kết quả là đàn lợn bị bệnh dịch tả lợn châu Phi nên cũng đã tự tiêu hủy 200 con lợn này bằng hình thức chôn.

Đ đã liên hệ với S để yêu cầu S giải quyết. Tuy nhiên, S tránh mặt, chặn liên lạc với Đ. Đ đã tự kiểm tra lại và phát hiện 02 Phiếu trả lời kết quả xét nghiệm theo nội dung File mà anh S đã gửi vào ngày 14/10/2024 và 17/10/2024 trùng số cấp, trùng mã QR. Đ nghi ngờ tài liệu này không đúng, được chỉnh sửa, làm giả lại từ kết quả khác. Nhận thấy S đã cung cấp thông tin gian dối để bán lợn bị dịch bệnh dẫn tới thiệt hại tài sản nên Đ đã làm đơn tố giác anh S.

Tiến hành kiểm tra điện thoại của Đ, thu giữ toàn bộ nội dung tin nhắn trao đổi giữa Đ và S phù hợp với nội dung, diễn biến nêu trên. Tiến hành thu giữ 02 file có tên: “123.pdf” và “XN.pdf” do S gửi cho Đ để phục vụ việc giám Đ tài liệu.

Cơ quan CSĐT đã tiến hành kiểm tra điện thoại của Vân A, thu giữ được toàn bộ tin nhắn trao đổi giữa Vân A và S thể hiện nội dung S và Vân A trao đổi để thực hiện hành vi làm giả tài liệu phù hợp với nội dung, diễn biến như nêu trên.

Tiến hành cho Vân A tự thao tác trên máy tính để chỉnh sửa nội dung, làm giả tài liệu theo lời khai, kết quả: Vân A đã thực hành thao tác và chỉnh sửa được nội dung File Phiếu trả lời kết quả xét nghiệm phù hợp với lời khai nêu trên.

Tiến hành xác minh, làm việc với Trung tâm chẩn đoán thú y Trung ương, kết quả:

Trung tâm chẩn đoán thú y Trung ương xác Đ Phiếu trả lời kết quả xét nghiệm, số: 7613/CD-XN được Trung tâm chẩn đoán thú y trung ương cấp ngày 12/10/2024 cho chị Nguyễn Thị Diệu T, địa chỉ: xã Đ, huyện P, Hà Nội. Trung tâm đã trả kết quả xét nghiệm cho chị T bằng hình thức gửi file hình ảnh có tên: “7613-D244533.signed.pdf” tới tài khoản zalo của chị T (phù hợp với nội dung, diễn biến nêu trên). Qua rà soát, trong năm 2024 Trung tâm không tiếp nhận xét nghiệm mẫu bệnh phẩm nào cho người có tên Nguyễn Hoàng A ở Ba Vì, Hà Nội.

Đã tiến hành thu giữ file có tên: “7613-D244533.signed.pdf” để phục vụ việc giám Đ.

Cơ quan CSĐT đã tiến hành kiểm tra điện thoại của chị Nguyễn Thị Diệu T, thu giữ được tin nhắn của chị T và S. Nội dung phù hợp như nêu trên. Tiến hành cho chị T nhận dạng người qua ảnh, kết quả: chị T nhận dạng và xác Đ được ảnh của S.

Cơ quan CSĐT đã ra Quyết Đ trưng cầu giám Đ kỹ thuật số điện tử để giám Đ file có tên: “7613-D244533.signed.pdf” do Trung tâm chẩn đoán thú y Trung ương ban hành và các file có tên “123.pdf”, “XN.pdf” thu giữ được (như nêu trên) có đồng nhất không, có phải là tài liệu giả hay không. Ngày 09/7/2025, Cơ quan CSĐT đã nhận được Kết luận giám Đ số: 5106/KL-KTHS ngày 04/7/2025 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an. Nội dung:

“Mẫu gửi giám Đ có thể chỉnh sửa được nội dung (tên, thông tin chung, phụ lục kết quả xét nghiệm...). Nội dung trong mẫu gửi giám Đ không đồng nhất với nội dung trong mẫu so sánh.

- Tiến hành cho Nguyễn Văn Đ; Dương Văn M và Nguyễn Văn D xác Đ hiện trường. Kết quả: Cả ba người trên đều xác Đ được vị trí trang trại đã nhận lợn vào ngày 15/10/2024 và 18/10/2024 là tại số nhà 35 đường liên thôn thuộc thôn 5, xã Ba Trại, huyện Ba Vì, Hà Nội.

- Tiến hành cho Trần Thị Vân A xác Đ hiện trường, vị trí nơi Vân A thực hiện hành vi làm giả tài liệu như nêu trên, kết quả: Vân A xác Đ đã sử dụng máy tính case của nhà sách Tiến T (địa chỉ: phường T, Thanh Hóa) là nơi Vân A làm việc để thao tác chỉnh sửa, làm giả tài liệu là Phiếu trả lời kết quả xét nghiệm như nội dung nêu trên.

- Tiến hành cho ông Bùi Văn H và Dương Văn L xác Đ vị trí ông H và ông L đã tiêu hủy toàn bộ số lợn bị chết, kết quả: Ông H xác Đ đã tự tiêu hủy toàn bộ 100 con lợn giống bị chết tại vườn trồng cây vải của ông H; ông L tự tiêu hủy 200 con lợn giống bị chết tại hố bi o ga trong trang trại nhà ông L. Cả hai đều xác Đ khi tiêu hủy lợn chết đã không báo với chính quyền địa phương, không có tài liệu nào khác thể hiện việc này.

Vật chứng vụ án:

Cơ quan CSĐT đã tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 12 promax của Đoàn Thế S và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, loại Y53s của Trần Thị Vân A. Đây là điện thoại di động S và Vân A sử dụng để nhắn tin, gửi các file tài liệu có liên quan cho nhau.

Chuyển các vật chứng nêu trên đến Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 – Hà Nội để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vấn đề dân sự:

- Ông Bùi Văn H và anh Đ thống nhất nội dung: Do đàn lợn bị chết toàn bộ nên ông H không phải trả tiền cho anh Đ. Do đó, ông H không có yêu cầu, đề nghị gì về dân sự.

- Ông Dương Văn L và anh Nguyễn Văn Đ đã tự nguyện hòa giải. Anh Đ đã khắc phục dân sự cho ông L tổng số tiền 163.000.000 đồng. Số tiền còn lại, anh Đ nhận nợ với ông L. Do đó, ông L không có yêu cầu, đề nghị gì về dân sự.

- Đoàn Thế S và Trần Thị Vân A và anh Nguyễn Văn Đ đã tự nguyện hòa giải. Gia đình bị cáo S, Vân A đã bồi thường dân sự số tiền 246.000.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo Vân A cùng gia đình nhận nợ với anh Đ. Anh Đ không có yêu cầu, đề nghị gì về dân sự nữa.

Tại bản Cáo trạng số: 150/CT-VKS ngày 18/12/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hà Nội đã truy tố bị cáo Đoàn Thế S và Trần Thị Vân A ra trước Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hà Nội để xét xử về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy Đ tại điểm b,c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Đoàn Thế S và Trần Thị Vân A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo S trình bày: Bị cáo rất ân hận về hành vi của mình dẫn đến vợ bị cáo phải cùng chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo mong HĐXX xem xét cho bị cáo Trần Thị Vân A được hưởng án treo để vợ bị cáo ở ngoài nuôi con nhỏ.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Đoàn Thế S và Trần Thị Vân A đã đủ yếu tố cấu thành tội “ Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy Đ tại điểm b, c khoản 2 Điều 341 BLHS. Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng: Điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS. Xử phạt: Bị cáo Đoàn Thế S từ 36 đến 42 tháng tù.

+ Áp dụng: Điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS. Xử phạt: Trần Thị Vân A từ 30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 60 tháng kể từ ngày tuyên án.

+ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

+ Về vật chứng: Tịch thu, phát mại sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Apple loại Iphone 12 promax đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, loại Y53s, đã qua sử dụng

+ Về dân sự: Đề nghị HĐXX không xem xét.

+ Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN Đ CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo nhận thấy:

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Xuất phát từ quan hệ dân sự, mua bán lợn giữa anh Nguyễn Văn Đ với Đoàn Thế S. Để đáp ứng yêu cầu của anh Đ, là khi S bán lợn thì cần phải có phiếu xét nghiệm chứng minh lợn âm tính với dịch bệnh tả lợn Châu phi, bằng việc tạo niềm tin cho anh Đ, trong các ngày 12/10/2024 và ngày 17/10/2024 Đoàn Thế S và Trần Thị Vân A đã có hành vi làm giả và sử dụng 02 file Phiếu trả lời kết quả xét nghiệm của Trung tâm chẩn đoán thú ý Trung Ương để anh Nguyễn Văn Đ tin và giao dịch với S.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác Đ hành vi của Đoàn Thế S và Trần Thị Vân A làm giả 02 lần và sử dụng 02 Phiếu trả lời kết quả xét nghiệm của Trung tâm chẩn đoán thú ý Trung Ương đã đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”

thuộc trường hợp “ Phạm tội hai lần trở lên” và “ Làm giả 02 đến 05 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác” theo quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều 341 BLHS. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hà Nội truy tố các bị cáo về tội trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất mức độ nghiêm trọng đối với hành vi phạm tội của các bị cáo: Xét tính chất mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nghiêm trọng ; đã xâm phạm đến lĩnh vực trật tự quản lý hành chính của cơ quan tổ chức, gây mất trật tự an ninh địa phương và xã hội. Các bị cáo đều có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ, phạm tội với lỗi cố ý nên phải có hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi của của các bị cáo.

Trong vụ án này có đồng phạm, nhưng với tính chất giản đơn, không có sự phân công, bàn bạc, nhiệm vụ vai trò rõ ràng cụ thể, tuy nhiên HĐXX cần đánh giá vai trò của từng bị cáo trong vụ án này để có mức hình phạt tương xứng. Đối với bị cáo Đoàn Thế S để tạo niềm tin khi Đ yên tâm giao dịch mua lợn với S, S yêu cầu vợ của mình hai lần làm giả tài liệu là 02 Phiếu xét nghiệm của Trung tâm chẩn đoán thú y Trung Ương, thay đổi các thông tin từ file Phiếu trả lời kết quả xét nghiệm gốc và sử dụng 02 phiếu nhằm mục đích để Đ yên tâm giao dịch với S trong việc mua bán lợn. Bị cáo Vân A được chồng là bị cáo S nhờ chỉnh sửa 02 lần phiếu, không được S nói mục đích để làm gì tuy nhiên Vân A tích cực thực hiện với vai trò đồng phạm với S; nên HĐXX nhận định S có vai trò cao hơn Vân Anh.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đã bồi thường khắc phục bồi thường số tiền 246.000.000đ cho anh Đ , nên HĐXX áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Vân A và S đều phạm tội lần đầu, bị cáo Vân A hiện đang nuôi con nhỏ nên HĐXX xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo theo quy Đ tại khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt khi lượng hình.

[4] Về hình phạt: Căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của hai bị cáo thấy: Các bị cáo đều lần đầu phạm tội. Đối với bị cáo Đoàn Thế S HĐXX xét thấy cần thiết phải áp dụng điều 38 BLHS cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe và giáo dục bị cáo. Bị cáo Vân A là vợ của bị cáo S, khi Vân A được S nhờ chỉnh sửa phiếu

xét nghiệm Vân A không hỏi và S cũng không nói việc chỉnh sửa mục đích để làm gì; bị cáo hiện đang nuôi con nhỏ nên HĐXX cân nhắc áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự cũng đủ sức răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo, tạo cơ hội cho bị cáo tu dưỡng, rèn luyện bản thân để trở thành công dân có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Đoàn Thế S và Trần Thị Vân A không có công việc và thu nhập ổn định nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 12 promax của Đoàn Thế S và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, loại Y53s của Trần Thị Vân A là công cụ phương tiện liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội của bị cáo còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước.

[6] Về dân sự: - Ông Bùi Văn H và anh Đ thống nhất nội dung: Do đàn lợn bị chết toàn bộ nên ông H không phải trả tiền cho anh Đ nên ông H không có yêu cầu, đề nghị gì về dân sự. Ông Dương Văn L và anh Nguyễn Văn Đ đã tự nguyện hòa giải. Anh Đ đã khắc phục dân sự cho ông L tổng số tiền 163.000.000 đồng. Số tiền còn lại, anh Đ nhận nợ với ông L. Do đó, ông L không có yêu cầu, đề nghị gì về dân sự; Đoàn Thế S và Trần Thị Vân A và anh Nguyễn Văn Đ đã tự nguyện hòa giải. Gia đình bị cáo S, Vân A đã bồi thường dân sự số tiền 246.000.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo Vân A cùng gia đình nhận nợ với anh Đ. Anh Đ không có yêu cầu, đề nghị gì về dân sự nữa nên HĐXX không xem xét giải quyết, mà giành quyền khởi kiện cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bị cáo bằng một vụ án kiện dân sự khác.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Điểm b, c Khoản 2 Điều 341, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đoàn Thế S 32 (Ba mươi hai) tháng tù. Về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”, thời hạn tù tính từ ngày 16/7/2025.

2. Áp dụng: Điểm b, c Khoản 2 Điều 341 , điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự .

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Vân A 27 (Hai mươi bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 54 (Năm mươi tư) tháng kể từ ngày tuyên án. Về tội “ *Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Giao bị cáo Trần Thị Vân A cho Ủy ban nhân dân xã Lưu Vệ - tỉnh Thanh Hóa để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy Đ của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

3. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

4. *Về vật chứng:* Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, phát mại sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Apple loại Iphone 12 promax đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, loại Y53s, đã qua sử dụng.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/01/2026 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Hà Nội với Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – Hà Nội).

5. *Về án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và xử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đoàn Thế S và Trần Thị Vân A mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6. *Quyền kháng cáo:* Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại

phiên tòa được quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận tổng đạt được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 9 – HN
- Công an Tp Hà Nội
- TAND TP Hà Nội
- Phòng THA DS Khu vực 9 – HN
- Người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Phương Lan